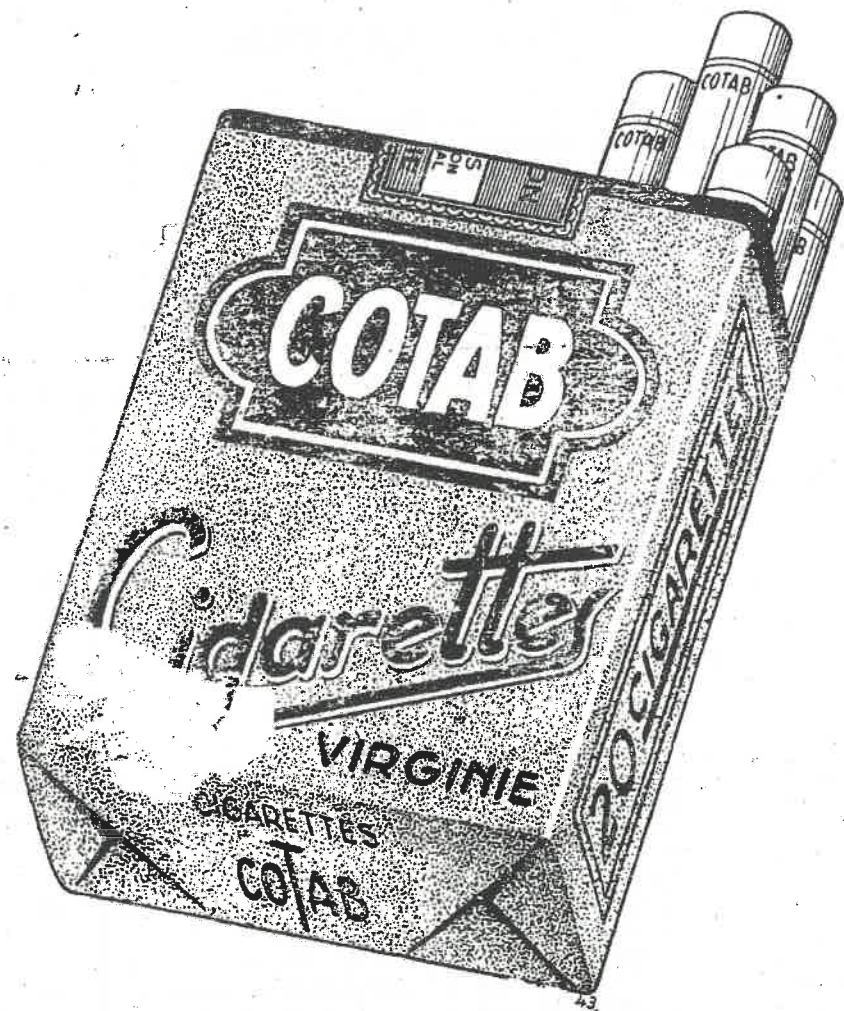


NAM KỲ

Trên báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *
BÀO QUÁN, 5 ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.513



COTAB

VIRGINIE



MỤC LỤC

1. — Âm lạnh.
2. — Đọc truyện Tân nền hiệu y của Tác-giả.
3. — Nhà thơ của thôn dã: F. Mistral.
4. — Bọn Mọi ở Đổng nai thượng.
5. — Chuyện khoa học: Nguyễn-tử và Hành-tinh.
6. — Trương Phụ nữ. Trở lại nền luân lý cũ.
7. — Chuyện mỗi tuần: "Phản luận lý của chúng ta".
8. — Chuyện ngắn: "Đêm lạnh cách nghèo".
9. — Đọc giả hào kỳ và còn nhiều bài hay không thể kể hết.

ẨM LẠNH

THỜI cuộc đã đem đến cho người Việt-Nam ta nhiều sự mới lạ và cũng đã gây ra nhiều vấn-đề về nhân sinh mà từ trước ít ai quan-tâm đề ý tới.

Tuy nước ta không có tham-chiến, nhờ tài cao trí cả của quan Đô-đốc Thủy-sư Jean Decoux, nhưng ảnh-hưởng của chiến-tranh cũng lan-tràn khắp thôn-quê thành-thị.

Cần đây hai vấn-đề quan-trọng đã được mọi người trong các lớp xã-hội thiệt-tha chú-trọng đến. Ấy là DÓLNO và ẨM-LẠNH.

Bước chùn đến đâu, ngồi xuống chỗ nào, tại ta cũng chỉ nghe nói tới hai việc ẨM và MẶC.

Trong khi quanh mình ta đạn rơi bom nổ, người chết nhà tan, luật công-bình của tạo-hóa lẽ đâu lại để cho ta thung dung nhàn hạ, toại hưởng những sự no ấm trên đời. It ra ta cũng phải chịu lấy một phần — dầu là một phần nhỏ nhất đối với người nước khác — ảnh hưởng do chiến-tranh gây ra.

Bởi vậy, lo thì ta vẫn nên lo, nhưng ta thân thì thật là nông nổi. Phương chi ta lại sẵn có những nhà cầm quyền khôn khéo, đầy lòng bác ái đối với dân, không bỏ qua một chuyện gì, một cơ hội nào mà không ân-cần săn sóc đến người trong nước.

Ma đói ra đời, hoành-hoành giết hại từ đâu, chớ chừa đám nhất đầu lộ diện trên bán-đảo Ấn-Độ Chi-Na này.

Đó cũng nhờ một là nước ta chuyên nghề nông nên « cây nhà lá vườn » bao giờ cũng sung-túc; hai là Chánh-phủ đã phòng-bị và thi-hành nhiều phương-pháp để dành giữ cho dân đủ ngày hai bữa. Tuy nhiên cũng không khỏi một vài nơi « xấu số » phải chịu thiếu hụt nhứt-thời.

ẨM thì thế. Đến MẶC thì ngày qua ngày, chiến-tranh càng kéo dài thì vấn-đề này càng thêm phần hệ trọng.

Mặc dầu nhà cầm quyền đã thấy xa hiệu rộng và đã tính đủ trăm phương ngàn kế về sự ẨM-LẠNH của dân.

Nào mở trường dệt, bán phát sợi, khuếch-trương việc trồng bông vải, giúp đỡ các nhà dệt thủ-công. Nào mua vải giúp học trò nghèo, phát giấy mua vải theo thời giá cho dân.

Nhưng từ trước nước ta chỉ tiêu-thụ vải nhập cảng, tự mình không sản xuất được bao nhiêu; có chăng là chỉ có tơ lụa là mặt tiền. Bởi thế khi sự giao-thông với các nước ngoài bị bế tắc thì lần lần sự thiếu hụt về hàng vải cũng bắt đầu hiện rõ ra.

Này nay sự thiếu hụt đó đã tới một trình-độ khó-xử. Thật thế, ra đường ta đề ý một chút sẽ thấy số người rách rưới ngày thêm đông. Chính mắt kẻ viết bài này nhiều lần đã (trực trông thấy những cái quần cái áo chỉ còn lại cái tên hay là cái hờn, phần xác tả tơi manh mún. Tại thành thị đã thế, ở thôn quê thì câu tục ngữ « quần còn cái lưng áo còn cái bầu » là sự thật trăm phần trăm.

Đừng nói chi đám trẻ từ mười một mười hai tuổi sắp xuống, vì chúng đã cam phận làm thân « nhộng » không còn biết đến quần áo là gì, chỉ riêng hạng người lớn cũng lắm đau cơ cực về ẩm lạnh nữa.

Chúng tôi đã được thấy những cái quần đùi và áo cánh may bằng đệm, chỉ có cái cổ áo và cái lưng quần là bằng vải, một thứ vải cũ, mục, của những bộ quần áo đã « qua đời »!

Nói thế không phải là quả quyết rằng vải số đã khan hiếm trong nước. Không! vải vẫn còn, nhưng giá vải không đi đôi với đồng lương hay tiền công của số đông người tiêu-thụ. Sắm được một bộ đồ vải, ngày giờ này, đối với hạng bình dân, là gây dựng cả một sự nghiệp.

Tình trạng đó, Chánh-phủ đã thấy rõ và đã tiên liệu, nhứt là lo cho anh em nghèo khổ ngoài Bắc trong mùa đông sắp giá lạnh tới. Ban Cứu-tế mùa đông được phép thành lập ở Hà-nội để «Kiếm tiền may ba vạn quần áo rét phát cho người nghèo». Riêng phần anh em hướng đạo ngoài Bắc, ngày 17 Octobre rồi đã kéo xe đi cùng các phố để quần áo-cũ cho trẻ nghèo. (Coi tiếp trang 19)

Đọc truyện Tàu nên biết dụng ý của Tác-giả

VÌ SAO DANH-SĨ

THI-NẠI-AM viết bộ Thủy-Hủ?

(Tiếp theo)

NGUỜI mình đọc truyện xưa của nước Tàu chỉ có mục đích: *Đề biết sự lịch trong truyện*, chứ ít ai lãnh hội được dụng ý của tác-giả. Nếu có kẻ hỏi: vì sao có truyện Tây Du, Thủy-Hủ, Phong-Thần, Tam-quốc-Chi? Các câu trả lời đều tương tự như nhau. « Còn vì sao? » Chỉ vì người Tàu có tài phóng đại, có tài viết những sự tích bằng lời văn trường giang đại hải, biết lợi dụng cái tâm lý của đại đa số người đọc! Hoặc kẻ có trí-thức hơn một chút thì trả lời: « Có chi mà phải lấy làm lạ. Người Tàu giàu óc tưởng tượng, trong khi từ hậu, tra dư lực tìm những chuyện xưa tích cũ về răn thêm chừn, cho mùi, pha vị để người đọc tìm nơi tiêu khiển một cách tao nhã, biết rõ lịch sử nước nhà. Ví dụ như truyện Tiết-nhon-Quý, sử chỉ đề có bốn chữ: « *bổ-y hãm trận* » và truyện Triệu-khuôn-Dần, bốn chữ: « *Trần-kiều bình biển* », cũng đủ cho các ông tác-giả sáng tác ra mấy pho truyện dài như giải núi Hy mã Lạp Nhả rồi! Nhon đó, nhiều kẻ ưu-thời mãn thế công kích kẻ viết truyện, cho là « *nhồi sọ* » người đọc, đem sự mê hoặc dị đoan làm mất tánh cách lịch sử!

Đọc truyện Tàu mà hiểu như thế, nghĩ như thế, thậm sai, chẳng những kiến văn đã hẹp mà sự nhận xét lại quá tầm thường. Nhưng kẻ sáng tác ra những bộ truyện Tàu có chỗ dụng tâm cao sâu, ngoài ý tưởng của thời nhon và các nhà học giả, phê bình về sau nữa. Nếu biết rõ nguyên-nhon, ta phải nghiêng mình kính phục và mê thích họ như những người trong truyện của họ tạo ra!

Có điều, mọi người đều phải công nhận, không chối cãi chi được, là hệ đã đọc một truyện Tàu nào là mê truyện ấy còn hơn mê sắc lịch nữa, có khi bỏ cả cơm, quên cả ngủ. Không những chỉ hạng bình dân hạ lưu, chỉ người Việt-Nam ta, mà dầu hạng tri-thức, người Tàu hay người Âu-tây cũng đều như vậy.

Rất dễ hiểu cái nguyên-nhon ấy. Vì kẻ viết truyện là bậc danh-sĩ, biết dùng lối văn giản dị, bình dân, có tài cấu tạo cảnh trí, nhon vật, khiến người đọc-lãnh hội được liền, mà càng đọc càng thấy ly kỳ, mê thích, truyện không khô-khau lại không gian đoạn, Cái tài ấy phải là chưa tài, thiệt học, để gì viết nên! Không trách người nước ta lại mê truyện Tàu hơn truyện lịch-sử, giả sử đặt sử nước nhà.

Vì sánh tác giả những truyện Tàu và tác giả những truyện ta, sự học vấn, điều kinh nghiệm, khác nhau. Những bài truyện ta kém truyện Tàu, chỉ tác-giả ta kém tác giả Tàu vậy.

Đọc một truyện Tàu, dầu mấy lần cũng vẫn còn ham thích, tôi thấy nhiều ông nhà nho học vấn uyên thâm mê Tam quốc-chi đến nỗi nhờ cả từ câu văn, ghi vào lòng cả từ nhon vật, trận đánh, rồi lại đặt ra những câu hỏi để đố nhau: *người nào có tên, không họ, người nào có họ không tên, người nào không tên không họ?*

Một nữ sĩ Huế-kỳ sang Trung-hoa về nước dịch ra bộ Thủy-Hủ xuất bản đến mấy trăm lần, mỗi lần đều mấy vạn cuốn, người ta tranh nhau mua, tranh nhau đọc hơn người Tàu đọc cuốn: « *20 ngày bị giam ở Tây an Phủ* » của Trương-giới-Thạch, người có đạo Thiên Chúa đạo Thành-Kinh. Nhờ bản dịch ấy mà vị nữ sĩ kia trở nên triệu phú!

Một văn sĩ Anh dịch được bộ Tây Du của Tàu mà tên nổi như cồn, tiền vô như nước.

Bao nhiêu đó đủ thấy ảnh hưởng của truyện Tàu do những ngòi bút của các tác giả Tàu đối với nhon sanh, đối với thị hiếu của quần chúng mãnh liệt là chừng nào.

Truyện Tàu đã hấp dẫn người đọc khắp cả hoàn cầu, thì ít ra nó cũng ảnh hưởng đến người Tàu thế nào? Dụng ý của người sáng tạo ra nó phải hoạt bảo một mục đích chi, chúng ta đọc truyện Tàu, cùng văn hóa với người Tàu, tưởng nên hiểu thấu cái bề sâu của cõi lòng những tác giả bất hủ ấy.

Nước Tàu có bốn pho sách lạ mà người Tàu cho là : « *Từ-dại-kỳ-thơ* » mặc dầu rùng rợn của nước Tàu, mấy ngàn năm truyền lại, có vô số là sách quý. Cũng như nước Tàu có bốn vị thiên kim quốc sắc mà người Tàu cho là : « *Từ-dại-mỹ-nhơn* » mặc dầu, đọc truyện Tàu, ta thấy không biết bao nhiêu là đàn bà đẹp ! Trong 4 pho sách lạ ấy, người nước ta, đại đa số đều có đọc, nhưng đừng nói chi khác, chỉ hỏi tác giả là ai, cũng không mấy người biết. Sách Tàu không đề tên tác-giả vì người làm sách có mục đích khác hơn là quảng cáo cho tên mình !

Bốn pho sách lạ ấy là : 1° Tam-quốc-chí, 2° Thủy-Hử truyện, 3° Tây-Du truyện, 4° Kim-binh-Mai.

Bốn pho sách này đều được nhà phê-bình văn-học trứ danh của nước Tàu là Kim-Ính-Thân phê-bình cả, có pho lại được Mao-tôn-Cương cũng bực phê-bình ngang hàng Thanh-Tuan dự phần vào, như bộ Tam-quốc-chí chẳng hạn.

Nói về văn chương thì bộ Tam-quốc-chí đang đứng đầu số, song nói về dụng tâm của tác-giả và cách bố-cục của truyện (nội dung) thì tác-giả bị trên phải nhường cho tác-giả Thủy-Hử, một bộ truyện gần như hoang đường.

Đề góp vào kiến-vấn cho bạn đọc Nam-Kỳ, chúng tôi lần lược sẽ nói rõ từ bộ, bắt đầu bộ Thủy-Hử trước.

MỘNG-TIÊN

Vì sao có truyện Thủy-Hử?

Học-giả trứ danh của Trung quốc hiện thời là bác-sĩ Hồ-Ính-tự là Tịch-Cnì, văn-học-già lâu ma thế-giới đều ngưỡng mộ, cực sắp đứng ngang hàng với : Lương-khải-Siêu tự là Ấm-bàng-Tử, bạn về Thủy-Hử, có viết một bài trong Nhân-Bao cách nay 8 năm, đủ chứng cho giá-trị bộ truyện không-tiên khoán-hậu ấy :

« Năm 12 tuổi, tôi bắt đầu xem tạp-thơ, khi « đọc đến bộ truyện Thủy-Hử cái cảm-giác của « tôi đối với bộ văn-học trứ-tác ấy, hứng thú « không chỗ ta. Kể đồng thời với tôi, nửa tân- « học và cựu-học, khi đã nghiên-ngâm đến các « sách, đều một mực hâm thích truyện Thủy- « Hử như thế cả.

« Cái dục-vọng đọc tiểu thuyết ngày một « tăng, thì những bản thơ của kẻ thân thích, « bằng hữu, không một thứ nào là tôi không « lục lạo, kiểm tìm để xem cho đủ.

« Một ngày nọ, như soạn đến phủ thơ của « thân phụ tôi, một tú sách có đến gần 1.000 « cuốn, lật qua, lật lại, bèn để ý tới một bộ « đóng rất dày, bla mềm mướt, có khắc mấy « chữ son đỏ lôm : « *Thủy-Hử truyện* », tôi « lấy làm thích ý vô cùng. Bộ sách này chữ « khắc nhỏ song sắc sảo trông rõ từng nét một, « có đoạn phê của Thanh-Thân trên đầu, và « bình ở cuối mỗi chương. Cần thận, thân phụ « tôi dùng son chấm từng câu, sửa lại những « chữ lu và sai, nhiều đoạn khuyên dỗ rục « lên, khiến tôi cảm giác là một gia hữu, một « kỷ niệm của kẻ thân yêu nhưt đời tôi lưu « lại; mà khi sanh tiền, người đã đọc không « biết bao nhiêu lần. Kể thân tôi đã bảo : bình « sanh thân phụ tôi ham đọc Thủy-Hử, cũng « như Quan-Vân-Trường đời Tam-quốc không « xa được bộ kinh Xuân-Thu, hề có thời giờ « nhàn hạ là đọc, là xem, không bao giờ nghe « nói chán ! »

« Đọc bộ Thủy-Hử, tôi phải mất một tháng « trường, nhiều đêm, canh gà đã dục sáng mà « mắt chưa « uồn rồi mấy giờng chữ đang trịnh « trọng cầm trên tay.

« Truyện Thủy-Hử có cái mã lực gì đến thế ? « Người nhà Minh, trong số tác phẩm ra đời, « có bốn pho sách lạ : « *Từ đại kỳ thơ* » trừ « Tam-quốc-Chí, Tây-du-ký, Kim-Binh- « Mai từ thoại, Thủy-Hử là một trong số ấy. « Những ai đã tự bạo đọc nhiều sách mà chưa « đọc được Thủy-Hử thì kẻ ấy vẫn còn ít đọc.

« Thủy-Hử là một bộ thông tục tiểu-thuyết tuyệt hảo ».

Bản có bán :
« Nam-kỳ Danh-nhân »
giá : 3 \$ 00 thêm : 0 \$ 47, cước-phí.
Mua sỉ và mua lẻ nơi :
M. Đào-văn-Hội
Tòa-bổ Sốt-răng.

Thông-chê Lyautey nói :
« Làm cho các nòi giống và các giai cấp đoàn kết với nhau, đó là một khẩu hiệu của Đại-Pháp ».



Trở lại nền luân-lý cũ

U do, bình đẳng, bình quyền ! Cởi bỏ những điều chuyên chế của gia-đình là những tục lệ quá cổ hủ. Tất cả những danh từ kêu vang ấy như làn sóng bể, cuồn cuộn tới cuốn một phần đông chị em không hiểu hết ý nghĩa của nó, không đủ năng lực, ý trí tự cai trị mình, mãi miết với ánh sáng của thế giới ăn chơi nên đã tự để cho đời mình sa xuống bể trụy lạc không còn phương pháp nào chống đỡ.

Trong mười năm trước đây, chị em đã tự do, tự do đã đảo chế độ nghiêm khắc của gia đình. Trong thời kỳ con gái chưa bước ra ngoài phạm-vi của gia-đình sang tạo, đã không cần thiết đến lời khuyên răn xác đáng của bậc cha, anh, dẫu sau cũng từng trải hơn mình. Đặt hết óc lòng vào chỗ vui vẻ trẻ trung, tinh thần và xác thịt của chị em, con: phụng cho nnu cầu của vật chất. Đời sống của chị em hình như không ai có quyền cai sống một cách thoải-mái cho mình không cần thiết đến gia đình và xã-hội.

Chị em hồ hào, gào thét cho ra lẽ : bình đẳng, bình quyền không phải là để đem tài năng gánh vác việc xã-hội, nhưng là để đập phăng những ông chồng hiền như bụt, bị mình cai trị một cách quá dễ dàng, hơn nữa không có bộ mặt xinh xắn, ăn nói lanh lợi cho mình đáng thương hơn.

Dây đập lên bước hàng rào của tục lệ, tự do mưu lấy cuộc sống một cách mờ ám, tự do chọn lựa bạn trai để chơi bời cho thỏa thích, để họ nịnh nọt phỉnh phờ mình, tự do kết hôn để đi đến trụy lạc. Hàng mớ tự do vô nghĩa-lý đưa chị em đến tự do tự tử..

Thời kỳ ấy, chơi với bạn trai là cái văn-minh tân-thời, biết khiêu-vũ là lịch sự qui-

phải rời, tự tử là can-dãm-để thoát ly cái nhục của gia-đình phiền phức đã cột cổ mình vào bện rốn, cái sống không được bay nhảy ra ngoài chỉ quanh-quẩn trong vòng bếp núc voi chông con.

Những nhà tâm-huyết với nhân-tâm thế-đạo thấy chị em mira bước lạc đường có mở miệng khuyên răn thì chị em cười vào mũi cho họ là sự phạm cổ lỗ, hủ-bại ngàn năm!

Rồi nhưng bài báo của một phái « nịnh đầm » đem những danh từ : « Sơn trẻ, xinh như mộng, đã đảo chế độ bó buộc của gia đình » âm âm lên tiếng. Thì họ tìm được chỗ yếu của chị em mình, họ đã dùng những câu văn tha thiết, gọi linh hồn nhợt nhạt của mình, mon trốn lòng mình, dúi đất khối óc non nớt của mình vào đường hoan lạc.

Thế là chị em sẵn sàng liến bước. Gia đình, chị em không cần thiết, cốt sao có nhiều tiền để ăn chơi cho thỏa ; thậm chí nhiều chị em cho sự sanh con là cái nợ, vừa khó nhọc vừa làm cho nhan sắc mau tàn.

Phạm vi mục báo này không cho phép tôi có thể vạch ra hết nguyên ủy của cuộc sa ngã trong những năm qua mà chị em mình đã lầm bước.

Đem những thuyết tự do bình đẳng, bình quyền, giải phóng, thế vào trong tục lệ quá trói buộc ấy, đã chôn sống bao nhiêu mảnh đời vô tội, làm đổ nát bao nhiêu gia đình. May mà chị em đã ngừng bước và đá linh ngộ trước tình thế và xã-hội đời nay. Một điều rất đáng mừng cho vận mạng tương lai nước nhà.

Lúc này xã-hội đòi hỏi ở ta nhiều lắm và nước nhà phải giao cho ta một phần trọng trách.

Lúc này ta phải cần ràng buộc lấy ta và dúi đất con em vào vòng luân-lý cũ. Một nền luân-

(Coi tiếp qua trang 16).

Giông Mối ở Dong-Nai thượng

(HAUT - DONNAI)

Lễ nghi (tiếp theo)

Hôm nay, trong xóm Chao Bsoure có một kẻ chết. Sau khi báo tin cho lân cận hay thì tang-chủ vật gà vịt, đem rượu ra bày biện ở giữa nhà để đãi đấng cô bác. Lại được một dịp cho chúng ăn uống, say sưa, ca hát, đờn địch, kèn trống om sòm bên xác chết, đã hai ba ngày cơ hồ như muốn rửa cả thịt da. Rồi năm ba kẻ đi vào rừng, lựa lấy cây gỗ nào thật to đặng xuống dùng chày gọt róc nhánh, moi móc ruột gỗ ra cho trống ở trong làm thành như cái quan-tài của ta, vậy. Chúng khiêng về cho kẻ chết vào, rồi

bỏ vào nào khố, nào khăn, nào ống diều, nào chà gạt, nào dao, dệp, còm, gạo, tất cả đồ dùng của kẻ chết hằng ngày rồi chúng ném lại, thất giầy mây, xô đôn vào đem ra bãi tha ma ở chẳng xa gì đấy. Quan tài đi trước thì lối xóm đổ ra, kẻ khóc, người kẻ, bức tóc, gãi đầu, y như chính là người thân của chúng tuy rằng trước đây chúng mới cười giỡn, ăn uống láng nhằng ở bên xác kẻ bất hạnh.

Vả lại đời của chúng rất có nhiều điều bí hiểm sâu xa, ông bà, cha mẹ, con cái, anh em của chúng chết, chúng đem chôn (nói rằng



chôn chớ chúng có chôn theo kiểu của ta đâu) chúng đem dựng đứng cái quan tài lên rồi chôn xuống đất một phần thôi, y như ta chôn một cây cột vậy. Làm xong, chúng lấy gai và chà lá rào xung quanh cái quan tài và bỏ đó cho đến hằng đôi ba năm như vậy. Hằng ngày, chúng gọi hồn người chết về ăn cơm, uống rượu với chúng. Chúng cũng chuyện trò, biện bác, cãi lầy với hồn ma trông tượng của chúng, cho đến khi (ôi ghê rợn lắm sao), đến khi cái hồn ma ấy biến hóa thành hình, biết giữ nhà, giữ ruộng, coi kẻ cắp và mách báo cho chủ gia những điều xảy đến hằng ngày. (Độc-giả chớ lấy làm lạ và sợ hãi : đó

chỉ là một cách của trạng thái « thần giao cách cảm » và « tự kỹ ám thị » mà thôi !)

Đến lúc ấy, chúng ra bãi tha ma, hạ quan tài xuống, hốt lấy tro xương, hài cốt đổ vào cái ghè sành đem về nhà mà cất...

— Ngài ló lạc bước vào nhà của chúng ư ?

— Không có ai cả à ?

— Ngài đói và muốn tìm một chút chi để lót dạ ư ?

— Cái trứng gà ? một quả bí ? ừ, ngài được phép ăn, nhưng ít nữa, ngài cũng phải xin « không không » với cái ụ tịch của căn nhà rằng :

(Coi tiếp qua trang 14)

Nguyên-tử' và Hành-tinh

PHẦN đông ai cũng công nhận các thiên thể trong vũ trụ là : mặt trời, mặt trăng, trái đất cùng các quả hành-tinh, khác đều xảy chuyển, nhưng ít người được biết rằng nguyên tử là những phần tử của một vật, cũng xảy chuyển một cách tương tự. Chính nhờ các nguyên tử ấy mà một vật có thể làm ra tiếng, ánh sáng, hơi nóng, tùy theo cách nó rung động. Khi ta búng một sợi giây đờn thì nó sẽ rung động, nhẩy lên, xuống, có nhịp nhàn và mau cho đến đôi ta có ý tưởng rằng ở lúc giữa lại phùng ra ; đó là tại các nguyên tử đã bị xô đẩy nên cử động khiến sợi giây phải rung, và sự rung động ấy là nguồn gốc của tiếng đờn. Lại khi ta nung một vòng sắt trên lò lửa thì vòng sắt nở rộng ra, đó là vì các nguyên tử đang dang ra xa và khi vòng sắt không còn nóng nữa thì các nguyên tử lần lần trở về chỗ cũ và vòng sắt cũng trở lại kích thước cũ.

Muốn nhận thấy sự cử động của nguyên tử, thì cần phải theo cách hợp chất của một vật. Thường ai cũng tưởng rằng một vật thể như một vòng sắt, một khúc gỗ, một sợi giây thép là những vật làm bằng một khối đồng đặc nhứt thể nhưng sự thật nó lập thành bởi nhiều nguyên tử cách nhau bởi những khoảng trống. Vậy trong một vật có chỗ đồng đặc và có lỗ trống nghĩa là có nguyên tử và lỗ kim.

Tức nhiên các ngài sẽ hỏi làm sao một vật có thể chứa được vô số nguyên tử mà lại không có một thứ hồ gì để nối dính lại nhau được ?

Không ai tưởng đến một sợi giây chiến kết bằng hạt trai mà không có một sợi chỉ để kết các hạt lại. Nhưng sự thật, các nguyên tử không cần sợi giây liên lạc. Được giải chỗ nghi ngờ này, xin các ngài hãy tưởng tượng rằng các nguyên tử và lỗ kim sẽ dần dần to lớn đến 1 trăm, một ngàn, một triệu lần

nữa : thì các ngài sẽ thấy tỏ rõ các nguyên tử và lỗ kim. Như g các ngài cứ tăng thêm sức lớn của nó ; bây giờ các nguyên-tử đã thành những thiên thể. (hỏa cầu hay mặt trời, địa cầu hay trái đất, mặt trăng, ngôi sao) .. và những lỗ kim là các khoản trống rỗng bao la để chia rẽ thiên thể.

Các ngài thấy rằng những thiên thể ấy không có một thứ hồ gì để nối lại vì ở giữa toàn là các không gian rộng đến cả ngàn triệu dặm. Nhưng tựu trung các thiên thể và không gian là những phần tử của một vật duy nhứt : vũ trụ. Trong vũ trụ ấy tất cả thiên thể đều vậy, chuyển.

Trở lại một vật thể : các nguyên tử cũng luôn luôn cử động nhưng không ra ngoài một giới hạn đã có. Công nhận như thế thì rất dễ hiểu những hiện tượng đã xảy ra trong các vật. Vòng sắt nóng thì lớn thêm vì các nguyên tử đang xa ra và các lỗ kim cũng rộng lớn thêm ; sợi giây đờn kêu lên vì nguyên tử đã diễn một khúc khiêu-vũ mà kết quả là âm thanh.

Nếu ta khấy mạnh thì các nguyên tử xao

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES
de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON

động càng nhiều, càng mau, thì tiếng kêu cũng lớn và thanh thêm.

Như thế, các nguyên tử của một vật và các quả cầu không lồ của vũ trụ, không khác nhau. Chỉ có cách xây dựng là phân biệt thôi.

Các quả cầu xây cách nào? Mỗi quả đều xây tròn với một tốc độ không giống nhau: mặt trời xây một vòng trong 25 ngày, trái đất trong 1 ngày, mặt trăng trong 27 ngày rưỡi, tốc độ của mặt trời là 2 cây số trong một giây (7.200 cây số trong 1 giờ) của trái đất: 500 thước trong 1 giây (1.800 cây số một giờ) của mặt trăng: 5 thước trong 1 giây (18 cây số một giờ) của địa cầu còn xây chung quanh một quả khác: mặt trăng xây quanh trái đất, trái đất quanh mặt trời và mặt trời quanh một thiên thể khác chưa tìm được.

Các quả ấy chạy trên một đường vòng mà bề dài đều khác nhau như địa cầu Jupiter chạy quanh mặt trời trong 12 năm trên một đường vòng 1.200 triệu dặm; trái đất chỉ đi có 1 năm trên một vòng dài 230 triệu dặm và mặt trăng xây quanh trái đất trong 27 ngày rưỡi trên một vòng dài 500 ngàn dặm.

Ngòi hai cách xây ấy, các quả cầu còn hút lấy nhau, sức hút ấy mạnh hay nhẹ tùy theo sức lớn của quả cầu và sự xa cách nhau. Vì thế mà các quả cầu trong lúc xây phải nghiêng qua nghiêng lại như một cái bong bóng lúc gần ngừng vậy. Lại nữa, các quả cầu không phải đều xây trên một mặt bằng với nhau nhưng hơi nghiêng cũng như một thùng rượu mà ta để một bên góc mà đẩy tới cho nó xây.

Bây giờ các ngài hãy tưởng tượng trái đất

xây trên một mặt bằng với mặt trời và không nghiêng bên nào cả. Nếu các ngài để mặt trăng qua một bên thì trên trái đất của chúng ta không còn giống gió, mực nước không lên, xuống, nghĩa là nước không còn lớn hay ròng, nhiệt-độ luôn luôn không thay đổi, tóm lại chỉ còn có một mùa tốt đẹp, không thay đổi: đó là mùa xuân không đời đời mà các thi sĩ đã mơ tưởng!

Các quả cầu trong vũ trụ đều có những tính cách trong tự như các quả đã nói trên khiến cho ta phải nghĩ đến một nguồn gốc chung của nó. Chung quanh mặt trời có trái đất xây, chung quanh trái đất có mặt trăng và chung quanh mặt trăng có các quả bé nhỏ hơn, và cứ như thế đi lần xuống thì chung quanh một mặt trời có không biết bao nhiêu hành tinh, và trở lại mặt trời lại đi xuống cả đoàn tùy tùng của nó để xây quanh một mặt trời khác nữa.

Vậy sự luân chuyển đã khởi từ nguyên-tử và từ đó cho đến mặt trời mỗi mỗi đều cử động. Đến chừng nào sức chuyển động ấy mới ngừng? Không thể biết được. Và nó sẽ ngừng chẳng?

S. C.

Savon VIET-NAM
Tốt nhất



— Sao ông Béc-si cứ để tôi le lưới hoài hay sao? 3 phút rồi chắc là ông quên.
— Tôi không quên! Tôi muốn viết cho yên cái toa này cho rồi đã.

CHUYỆN MỠI TUẦN

PHẢN LUẬN-LÝ CỦA CHÚNG TA

TINH có tôi được coi một bài kỹ-thuật đá banh ở một tờ nhật-báo. Bạn đồng-nghiệp của tôi vừa kỹ-thuật lại vừa phê-bình. Bạn dịch lời nói của nhà thể-tháo Pháp Lucien Gambelin như sau này:

« Cho dầu một hội có đủ điều-kiện thể-chất dồi-dào, biểu-diễn theo một phương-pháp và một nghệ-thuật tuyệt-diệu và tất cả chiến-thủ trong hội đều những cầu-tướng áo-hàng, cũng chưa chắc rằng hội ấy sẽ rước phần vinh-diệu nếu hội còn chưa có một tinh-thần vững-vàng trước bao nhiêu thử-thách.

Phần «luận-lý» ấy chiếm một vai tưởng rất quan-hệ trong đoàn 11.»

Tiếp tới ban phê-bình:

« Đoàn Chợt lớn, hay nói rõ hơn là hội Hiệp-Hòa, cả phá vô-dịch Hậu-giang, nhờ đã nắm phần «luận-lý» trong tay ngay vào lúc hiểm-yếu của một trận đá... »

« Chẳng những Bítu đem phần-khởi, tin-cậy cho đến ban đồng đội, mà còn phá tan phần «luận-lý» của đối-phương nữa... »

Trước hết tôi không hiểu hai chữ luận-lý bạn tôi dùng ở trên đây là muốn nói cái gì.

Nhưng lần lần đọc hết bài kỹ-thuật tôi mới nhận ra rằng bạn đã dùng hai chữ luận-lý để thay cho hai chữ tinh-thần và là dịch ở chữ moral của tiếng pháp.

Trong những bản thông-cáo chiến-tranh ta vẫn thường thấy nói: tinh-thần quân ta vững-chắc, tinh-thần quân nghịch lung-lay.

Nhưng tinh thần vững chắc chẳng phải là nhờ có luận-lý hay tinh thần lung lay cũng chẳng phải tại thiếu luận-lý.

Tôi như đá banh, đua xe máy hay bất-kỳ trong môn thể-tháo nào nhà lực-sĩ phải cần đến những khả năng của thể-chất nhưng cũng cần đến sức mạnh của tinh-thần.

Cái tinh-thần lực đó bạn tôi nói là cái phần luận-lý, nhưng bạn tôi quên rằng phần luận-lý quan-hệ hơn hết thấy của con nhà cầm bút Việt-Nam là phải dùng chữ cho đúng nghĩa, là không được cầu-kỳ cho đến thành mậu-ngộ để

độc-giả bắt chước mà làm rối loạn cả văn-tự nước nhà.

Trước đây đã có ông nào nói về những nhà đua xe máy đã dám dùng hai chữ «yên-giới». Có lẽ ông muốn nói «yên-giới» là giới của những người ngồi trên yên mà đạp, nhưng sao không nói luôn là giới của những kẻ ngồi trên yên mà cỡi, hay là giới của những người nên ngồi yên mà đừng viết gì rào cho khỏi sanh giặc?

Tôi vẫn biết nghề viết báo là nghề vất-vã, thử như là viết báo hàng ngày, nhiều khi vô-ý đã gây nên những lầm-lỗi tôn-lao. Nhưng lầm-lỗi vì vô-ý không đáng trách mà cũng không mấy nguy. Những sơ-sốt như thế người ta đọc nhiều khi không để-ý hay có thể sửa giùm cho ta được.

Chỉ như những danh-từ cấu-tạo nên một cách bất thông, những câu văn xếp đặt theo một lối cầu-kỳ vô-nghĩa-lý mà tác-giả lại cao-hưng cứ để đi nhắc lại ở trước mắt những bạn đọc để tìm thì tội cho rằng đó là những việc làm không luận-lý.

Trái với nhiều nơi, ở nước ta Văn-học đã phôi-thai tự báo-giới thì những kẻ viết báo như chúng ta lại cũng cần phải thận-trọng, phải đề-dặt, phải nhận-chọn cái thiện-chức của mình, chẳng những phải có chuyện cho độc-giả xem chơi, nhưng còn phải «làm văn» cho đĩnh-bào bắt chước.

Có ngày giờ thì làm cho hoa-mỹ đã đành. Nhưng ít ngày giờ cũng phải lập làm cho đúng-đắn, cho đàng-hoàng, đừng có mùa gây rình hoang mà mang tội.

Đó mới thật là cái phần luận-lý của chúng ta.

L.Q.N.



Hãy đọc và cổ-động cho Nam-kỳ tuần báo

D ỒI người nếu không có « thơ » sẽ rất lạnh-lùng, cần-cối như vô-trũ không có mùa xuân. Tiếng ca-ngợi của thi-sĩ giữ lại màu trẻ-trung cho người đời, đem đến cho họ những ánh sáng mơ-màng của hư vô vĩnh-viễn. Thường thường thi-sĩ giải bày được những lẽ u-ẩn trong vô-trũ, phân-tách được những phiến-toái của lòng ta làm cho ta thân-mật với ảo-ảnh của những tinh-hoa cao-diệu và nâng ta lên cõi siêu-việt, khiến tim ta hồi-hợp và tâm-hồn ta sôi nổi hay dịu-dàng. Nhờ thế, thi-sĩ thường được xem là những kẻ thoát-tặc và đối với người đời quả có một quyền-lực thiêng-liêng.

Nhưng lại có một hạng thi-sĩ khác có một tâm-hồn giản-dị cũng như ta, yêu ghét những cái ta yêu ghét và tình thần họ vẫn chung hợp với tinh-thần ta để làm cho ta vui sống và phấn-đấu. Trong văn học-giới cận-kim, hạng thi-sĩ đó có một đại biểu rất xứng đáng mà tên tuổi sẽ cùng thọ mãi với đất trời: Frédéric Mistral.

Mistral sinh năm 1830 tại làng Maillane thuộc Provence ở miền Nam nước Pháp và sống mãi đó cho đến năm 1914 (thi từ giả cõi đời). Ông là con của một nhà nông-phu kỳ-cựu và tên ông là tên của một luồng gió lạnh của vùng quê ông. Suốt đời sống bên cạnh những thợ cày, những người chần-chiến, những kẻ mộc-mạc chốn thôn-dã, trong khung cảnh cao quý của đồng ruộng, của ánh nắng mặt trời của gió lạnh miền Nam và của đầy dãi xa bao phủ cỏ thơm, nên ông tha-thiết yêu quê-hương của ông cho đến hơi thở cuối cùng.

Ở nhà quê, cứ mỗi lần thời tiết thay đổi là thi-sĩ có dưới mắt một loạt công việc đồng-àng. Chỗ này cày bừa gieo mạ, chỗ kia hoặc phát cỏ vơm tơ, hoặc hái nho gặt lúa. Những công việc kia cứ tuần-tự kế tiếp một cách vừa trang nghiêm vừa vui-vẻ khiến thi-sĩ được nhận-thức rằng nông-nghiệp luôn luôn cực nhọc, nhưng luôn luôn phóng-khoảng tự-do và bao giờ cũng đem màu thơ-mộng, êm-dềm.

Thi-sĩ nhìn nông-phu làm việc, kể đi qua với cái phăng, người đi lại với cây cạo, hoặc nghe những thôn-nữ thanh-thót gọi nhau. Trông những cử-chỉ cao quý của họ, thi-sĩ tưởng chừng như được đứng trước các bức danh-họa mà thi-sĩ thường được ngắm xem. Lắm khi, thi-sĩ đi cày với họ, cỡi trâu với họ, cưỡi giồng với họ, ngồi giữa trời lắng nghe họ kể chuyện ngày xưa, những chuyện lý-thú đơn giản lưu-truyền đời này qua đời khác, hoặc

cùng họ nằm nghỉ trưa dưới ánh cây mà nghe chim đồng bay hát véo-von.

Chính giữa khung-cảnh đó, tâm-hồn Mistral mở rộng để hòa-hợp với bản-đơn muôn điệu của thiên-nhiên. Thi-sĩ thấu lấy những nguồn rung-cảm, để ngày kia kết tinh lại mà xuất hiện ra « thơ thôn dã », một nguồn thơ chất phác nhưt nhưng thâm-thú nhưt.

Và về sau, nhớ lại những nét quang-minh của tuổi xuân đó, thi-sĩ phải cất tiếng than tiếc: « Ôi hương thơm! ôi ánh sáng! ôi lạc thú! ôi ảo-cảnh! ôi liêu-mịch của thiên-nhiên êm-dịu! bao nhiêu hạnh-phúc, bao nhiêu mộng thân-tiên, các người đã mở rộng trong khoảng đời ấu-trĩ của ta! »

Chẳng những thi-sĩ chỉ yêu mến phong-cảnh đơn-giản của quê nhà mà lại hết lòng qui trọng thơ-ngữ của thi-sĩ.

Theo thi-sĩ, trong thơ-ngữ « provençal » tươi sáng kia phăng-phất bao nhiêu vẻ thi-vị, bao nhiêu nét thần tiên. Thi-sĩ rất thù ghét những

MISTRAL

kẻ vong-bổn, giả làm sang quên tiếng của vùng quê. Lúc còn bé, khi một thị-dân (bourgeois) nào đi ngang qua làng thi-sĩ, chỉ dùng ngôn-ngữ của thị-thành mà cha mẹ của thi-sĩ lại tỏ vẻ tôn kính thì thi-sĩ không bằng lòng, hỏi lại:

— Tại sao người ấy không dùng tiếng thơ-ngữ của mình, không nói giản-dị như mình?

Thì cha mẹ thi-sĩ cười trả lời:

— Vì ông ấy là người sang trọng.

Thi-sĩ bèn giận, thốt lên:

— Nếu như thế thì con không muốn được sang trọng bao giờ!

Trong tâm-hồn Mistral bao giờ cũng in sâu hình ảnh của quê nhà. Một lúc kia, phải đi học xa, nỗi lòng sâu xứ làm tiêu-hao sức khỏe của thi-sĩ đi. Trong bốn vách chật hẹp của nhà trường, thi-sĩ thường để hồn bay trở lại quê và mơ-màng như bèn tai trước mắt có tiếng cười giòn của anh chần-chiến, người thợ gặt, hoặc cái dáng điệu uyển-chuyển đẹp đẽ của cô

hái nho hoặc của người thiếu-phụ một lứa. Thi-sĩ lại thêm-thường chiếc bánh-mì thanh-đạm của họ đang ăn dưới ánh sáng thiêng-liêng của Provence.

Mistral yêu tỉnh Provence lắm, yêu làng Maillane của thi-sĩ lắm, và khi đã tốt nghiệp trường luật về quê, lúc 21 tuổi, thi-sĩ đã nuôi một hoài-bảo to-tác là làm sống lại xứ Provence, đem nó trở về cái căn-bản tốt đẹp buổi xưa. Muốn thế, thi-sĩ phải tìm cách trả lại cho thơ-ngữ « provençal » cái nét tinh-thú cổ-hữu của nó và đem lời thơ phổ vào mà ca-ngợi quê nhà.

Bởi đó, thi-phẩm Mireille ra đời.

Mireille tiếng provençal là Mireio, thi-sĩ không hiểu là gì, nhưng từ thuở còn trong nôi đến lớn khôn thường nghe bà và mẹ thường gọi cái gì đẹp, đáng yêu là Mireille. Thế thôi.

Theo thi-sĩ, Mireille là một màu sắc thiêng-liêng, khả ái của quê nhà. Thi-sĩ gọi « Mireille »

AL → Nhà thơ của thôn dã.

cũng như ta gọi « con Tấm con Cám » hoặc « Nàng Út » nhưng chẳng hiểu những danh-từ rất quen biết kia xuất-xứ từ nơi đâu.

Mireille là cả một bức tranh quê mà những nhơn vật trong đó đều hoặc là cha mẹ, hoặc là những bạn, những người cùng làng rất quen thân của thi-sĩ trong buổi thiếu-niên. Trong Mireille, thi-sĩ không ca-tụng chi lạ hơn những cảnh trí, người vật của Provence, của Maillane, từ vòm trời trong sáng êm dịu, từ đầy dãi tốt đẹp ở xa xa, đến những cỏ thiếu-nữ đi hái nho, người thiếu-phụ ngồi chần-làm, hoặc anh nông phu làm việc giữa đồng, trong làn gió thoang-thoảng cỏ thơm.

Mở đầu tập thơ, thi-sĩ đã cung-hiến cho quê-hương người mấy câu thú-vị:

O doux amis de ma jeunesse
Aérez mon chemin de votre saint haleine.

hoặc:
Nous ne chantons que pour vous, pères et
gens d'Armas (1).

mà Tố-Phang tạm dịch là:

Ấu thơ, hỏi bạn yêu đương
Hương thần xin rẩy trên đường ta nao!
và:

Hỏi chàng thôn-dã mực-đồng,

Vì ai ta cất tiếng lòng hát ca.

Điều đáng sùng-thượng, yêu quý là thi-sĩ dùng toàn thổ-ngữ của quê nhà, một thổ-ngữ mà từ lâu lắm rồi cơ hồ chết mất trong văn-chương pháp.

Sau Mireille, thi-sĩ lại hiến cho ta một loạt thi-phẩm khác như Calendal, les Iles d'Or, le Poème du Rhône, la Coupe Sainte, cũng toàn bằng thổ-ngữ vùng quê thi-sĩ, nhưng không tập thơ nào sánh kịp Mireille.

« Mireille là thi-phẩm đem một thanh-xuân tuyệt diệu, một thuần-ngữ mà ta còn tìm thấy được trong các bản-dịch. »

« Đó là một thiên anh-hùng-ca của thôn-dã và cũng là một trong những chuyện tình cảm-động, mà nhờ thiên-tài của một thi-sĩ, sẽ làm say-mê lớp hậu-thế » (2).

Với Mireille, thi-sĩ được giải-thưởng Nobel và được liệt ngang hàng với các bậc sử-thi kim-cổ như Homère, Virgile, Dante, Hugo, Lý-Bạch, Đỗ-Phủ... Mireille được dịch trong nhiều tiếng hoàn-cầu và Mistral đã được xem là thi-nhân của nhơn-loại.

Khi đọc xong Mireille, nhà thi-sĩ tài-hoa bấy giờ là Lamartine phải viết với Reboul (một văn-sĩ thời ấy) bức thư này: « Tôi đã đọc Mireio... Dòng nhựa quốc-hữu, phong-phủ, tinh-diệu của miền Nam, như thế chưa từng thấy bao giờ. Có một khí-lực trong ánh-sáng mặt trời. Tâm trí tôi đều bị xic-động mãnh-liệt đến nỗi tôi phải viết một chương « Đám-thoai » về ca từ này. Vâng, từ thi-phẩm « Homérides de l'Archipel » đến nay thì dòng thơ chất phác như thế không còn thấy nữa. Cũng như bạn, tôi phải la lên: thi-hào Homère (3) đó ».

Nhưng điều đáng quan-tâm nhưt là khi Mistral dâng hiến một quyển Mireille cho mẹ thì nữ-ti-hiền-mẫu lại thốt lên mấy lời cảm-động: « Con ạ, có khi đồ quyền sách của con, mẹ lấy làm kỳ-dị mà thấy có một ánh sáng chói lọi như một vì sao, khiến mẹ phải xếp sách lại để chờ một khi khác sẽ đọc! »

Có một lúc, sau khi lên kinh-đô duỗi theo văn-nghiệp, thi-sĩ trở về làng, nhớ cảnh cũ mẹ

(1) Tên của vùng quê thi-sĩ.
(2) Trích báo « Impartial » số 7888, ngày thứ tư 15 septem-bre 1943, của A. Rebuffat.
(3) Homère là một thi-sĩ trẻ danh của nước cổ Hi-lạp.

hiện, ngắm-người than-thở: « Hỡi ôi! ưu tư thay, sầu muộn thay cho những vật đã từng trông thấy xưa kia, trong buổi thơ ấu! Dầu cảnh-trí thân-yêu ngày trước có vĩ-đại đến đâu, đẹp để đến đâu, khi ta trở lại viếng thăm cũng thấy mất đi hoặc một người thân, hoặc một vật quý ».

Bao nhiêu nỗi tiếc-thương của thi-sĩ là bao nhiêu nỗi tiếc-thương thiên-cổ của thế-nhơn. Vì vậy, ta xem Mistral gần ta quá, thi-sĩ không bỏ ta mà bay bổng chốn trời mây cao rộng như muôn ngàn thi-sĩ khác. Thi-sĩ sống mãi cạnh ta để cùng chia nỗi nhớ-nhưng sầu-thảm và để ca hát với ta trong những lúc phần khởi với hân-hoan. Thi-sĩ bao giờ cũng:

*Manq tâm hồn thơ sống với đời,
Vị đời sâu cảm, vị đời vui,
Vui người ca ngợi, sầu, người khóc. (1)
Treo khúc đàn tâm giữa đất trời.*

(ĐÔNG-HỒ).

Có một khi, sống với cá-nhơn chữ nghĩa, người ta lia xa căn-bản của mình và lãng quên thi-sĩ. Nhưng một hồn thơ có tánh-cách đại-đồng (universal) như Mistral thì không bao giờ chết được trong lòng người. Bao nhiêu cuộc lễ huy-hoàng để kỷ-niệm năm thứ 113 của ngày sinh thi-sĩ trong tháng Septembre vừa qua, tại quán làng thi-sĩ, dưới quyền chủ-toạ của Quốc-trưởng, chẳng là một bằng-chứng hùng-hiện đó sao?

Và bao giờ, hai tiếng « quê nhà » êm-ái kia còn làm thốn-thức được tâm ta, cũng như bao giờ con sông trước cửa, dãy ruộng sau nhà, hoặc lũy tre xanh, hoặc trái đồi xa, còn gọi được lòng luyện nhờ cửa ta, thì danh thơm của Frédéric Mistral vẫn còn cao ngất mãi, vì thi-sĩ không những là ca-nhân (chan-tre) của Provence nước Pháp mà là thi-sĩ chung của người đời.

TRƯỜNG-SƠN-CHÍ

(1) Nguyên-văn: « Vui ta ca ngợi, sầu, ta khóc ». T.S.C.

Quốc-trưởng nói:

Cần lao là phần của con người trên thế, con người phải lãnh nó vì một sự cần không thể tránh.



Một khách - sạn trên ngọn cây

Có một đại-phủ-gia người nước Anh là Lady Bettie Walke các cơ cất trong một khu rừng tại xứ Kenya (Phi-châu) một cái khách-sạn trên một ngọn cây lơ lửng, hiệu « Treetops Hotel ».

Ai muốn coi thú rừng như voi, voi, sư tử, nai, gấu cũng bao thì đến khách-sạn ấy, trên tháng lên muốn phòng ở một đêm. Ở gần đó có một cái hồ có nước ở giữa rừng, có nước trong năm, nên các thú thú rừng đêm nào cũng đến đó giải khát, không ngờ bị chúng lên coi mắt.

Lẽ tự-nhiên, người ta cấm nói chuyện và hút thuốc.

Như vậy thú rừng thường đến đóng rào từ 7 giờ tới 9 giờ đêm, và lối 4 giờ sáng. Trong những giờ khác, chúng nó lại rất rúc.

Giá tiền phòng mỗi đêm là mười đồng « livres Sterling ». Tính ra tiền Pháp có trên bảy trăm quan.

Ăn thịt mèo?

Bản Đức có người ăn thịt chó, còn bản Anh quốc người ta ăn thịt mèo công-thai. Mỗi năm tại London, người ta ăn có tới 5.000 tấn thịt mèo, một phần nửa ở phía đất liền còn nửa ở biển.

Có người chỉ làm nghề nuôi mèo để bán cho những công-ty bảo vệ thịt mèo. Những mèo này lạc nẻo, được trồng trở lại, hú g bắt làm bạn, hết. Trái lại ở xứ ta ăn với mình hay trọng mèo quá!

Văn-học tính bằng kí-lô!

Tờ Papier-Maker tính bằng đồng cho mỗi tên dân của mỗi dân tộc số giấy nhứt trình đã tiêu-thụ:

Một người Anh tài mỗi năm	26k.07
— Huê-kỳ	21.74
— Pháp	19.20
— Hòa-Lan	11.29
— Đức	3.21
— Ý	1.81
— Nga	1.00

Tin mừng làng văn

Mời hay tin mừng đến ngày 29 và 30 Novembre 1943 nhằm ngày mồng 3 và 4 tháng 11 an-nam, ông Nguyễn-trung-Ngôn tự Trục-Thần ở Tây-đô sẽ thành hôn cùng cô Trần-Kim-Xuyến.

Đây là một tin mừng chung trong làng văn, làng báo, mà cũng là tin mừng riêng của tuần-báo « Nam-Kỳ », bởi ông Trục-Thần là một bạn đồng sự và đồng chí của chúng tôi.

Vậy như dịp đại hỉ này, Bản-báo đồng-nhơn xin chúc mừng cho tân lang và tân giai-nhơn: « Sát, cầm hảo hiệp ».

CHUYỆN NGÀN

Đêm lạnh cảnh nghèo

DÊM hôm ấy, một đêm mưa gió lạnh lùng của mùa gió bắc. Trong gian nhà xiêu vẹo, xác-xơ ở dựa bờ sông, chú hai Chài đang đưa con trên vồng.

Chiếc đèn dầu leo lét, chấp chớn, để trên cái bàn thờ thiếu chơn, đang soi u-ẩn những đồ vật của cái nhà rách trước trống sau.

Trên bộ văng phía trước, mấy đứa con còn thơ dại của chú đang ôm quần-quít lấy nhau mà ngủ say sưa mặc dầu trời lạnh. Chú nhìn những nét mặt thơ ngây của chúng và nhận thấy sự chăm nuôi thiếu thốn, chú bỗng day mặt vô vách mà thở dài.

Dưới đất trước bàn thờ, thằng Lành con chú năm nay đã được 14 tuổi đầu, đang im-lặng, lẩn-mẩn ngồi và miêng chài.

Mưa rơi lách-tách hòa với tiếng kéo-kẹt của chiếc vồng đều đều, tạo thành một thứ tiếng buồn buồn, nghe não-nùng.

Xa xa một tiếng chó tru... Trên một cái vật tre một người đắp chiếu rên khừ-khừ đang lẩn lẩn hé chiếc chiếu để lộ ra cái mặt xanh-xao rồi với một giọng yếu đuối hỏi chú Hai:

— Minh ơi, thằng Thiện nó ngủ chưa minh? Đó là vợ của chú Hai đang đau đã sáu, bảy ngày rồi mà chưa mạnh.

— Nó đã ngủ rồi, còn minh bớt chút nào hôn?

Cũng vậy, không thấy bớt chút nào, nhưng minh cứ đem nó lại đây cho nó nằm kế bên tôi đây rồi minh còn đi chời chời. Nồi gạo mua hồi sớm mai đã hết rồi, nếu không đi chài sáng lấy gì mà ăn. Tội nghiệp thằng nhỏ, tôi đau nấy bữa rày thiếu sữa cho nó bú, hại nó ốm nhom.

Chú hai Chài trao con cho vợ rồi chú trở ra, mút một gáo nước, uống xong chú leo lên vồng nằm mà sắc mặt coi bộ đau đầu. Chú suy nghĩ đến phận nghèo nàn, thiếu thốn, đến nỗi vợ đau không tiền uống thuốc. Con phải chạy từ bữa để ăn, con thì lao nhao, lỗ nhỏ, quần áo tả-tơi. Cho đến tấm thân

chú có cái áo tây vắn bằng ka-ki vàng để che đậy tấm thân cũng phải bán mất bán rẻ để hốt mấy thang thuốc cho đứa con vừa mới chết. Chú thở dài, rung rung nước mắt.

— Lành, rót cho má miếng nước con! Tiếng của vợ chú biến con thức tỉnh chú ra khỏi vòng suy nghĩ, và làm cho chú nhớ đến ngày mai khôn đốn không gạo thiếu cơm. Chú vùng dậy lấy cái áo vắn cụt tay rách bầy mà bện vào.

Một luồng gió thổi mạnh, những tàu lá chuối cọ nhau xào xạc và những giọt mưa rơi lộp độp trên những lá khô.

Ngọn đèn vụt tắt phụt tạo nên một cảnh u tối lạnh lùng. Thằng Lành mò cây đèn để đốt.

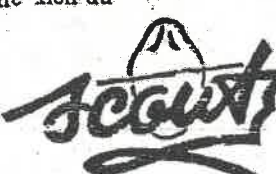
— Ủa cây đèn hết dầu rồi tía à!
— Hết rồi sao, thì mình mới mua hôm qua đây mà.

— Vậy chờ tía không nhớ hồi hôm mình đi chài gần sáng đem sao?

— Ủ. thôi, con mò dưới mi chiếu trên đầu năm mà con lấy hai xu đi mua một miếng dầu đi.

Mưa cũng còn lưa thưa hột, gió cứ thổi rao-rao, hai cha con thằng Lành lạnh tím ruột nhưng phải đẩy xuồng đi chài. Khỏi làm sao chờ, chài quảng xuống kéo lên, xuống khi vô vịnh, lúc ra dơi. Nhưng mà cá trốn đâu hết rồi!

Bảng giá, song chắc, tốt, đẹp bằng mười ghế xích-đu

Ghế xếp hiệu 

toàn bằng gỗ, bố tàn thời, nhẹ nhàng, đem đi rất tiện.

Xưởng đóng: 149, Route Coloniale N° 1 Giadinh

Đã bán tại: Hãng Charner, — J. Linh, Nguyễn-văn-Trần, và « Au bon Accueil, 15 Bd. Saintenoy, Cánh-thờ. — Mua sỉ do: Công-Minh.

Canh khuya trên sông vắng, chỉ nghe tiếng sóng vỗ vào hai bên bức hầm. Nhìn trong khoang xuống chỉ thấy dây dưa nằm, sáu con cá he vàng. Chú Hai Chài buồn bã tính về nhưng còn nằng lại vài một chài nữa. Lúc kéo lên, nghe hơi nặng tay, chú mừng thầm trong lòng, chắc có lẽ đêm nay trời còn độ chủ trong mẻ chài này chăng? Chú kêu thằng Lành lại tiếp. Khi kéo lên gần đến bề xuống, mặt trăng hạ tuần vừa chun ra khỏi đám mây đen tờ mờ chiếu xuống mặt sông. Chú hai nhìn lại cái chài thì trời ôi! đó là một cái tử thi! Hoàng sợ, chú giật lạng dây trở xuống sông rồi bơi xuống về.

Đến nhà trong lúc đây xuống lên bến, chú nhớ đến bữa cơm thiếu gạo ngày mai mà chú tần ngần đứng lại nhìn chiếc xuống, nhìn thằng Lành đang lạnh lùng bắt cá rồi chú thở dài trông lên khoảng trời u tối.

Lúc ấy, trong một cái biệt thự gần một bên, một điệu đàn khiêu-vũ trời tiếng với những trận cười sung sướng, nồng say!

NGUYỄN-HỮU-TRÍ

TÁC PHẨM MỚI

Bản báo mới nhận được quyển sách "Quốc-văn-Sơ-học-Toàn-thơ" của ông Nguyễn-văn-Dẫn, Giáo-viên ở Phong-diên (Cần-thơ) xuất bản và gởi tặng.

Cái tên quyển sách đủ tỏ công dụng hữu-ích của nó. Bản báo xin cảm ơn tác-giả và rất vui lòng giới thiệu với các bạn thanh niên.



Agents Exclusifs: BOY-LANDRY

GIÔNG MỌI Ở DÒNG-NAI

(Tiếp theo trang 6)

— Ô chao, mi bạ anh bợm đồ dớ? (ở này này cho anh cái này nhé?)

Hỏi xong ngái nghe có tiếng mơ hồ trả lời: — Ý!

Như thế thì ngái cứ tha hồ ăn uống, nếu không thì « con ma », cái hồn chúng vật ngái chết không kịp ngáp! Vì vậy, mà chúng bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ hoa quả, gà vịt mà đi lung tung không sợ mất mát gì cả. Tuy vậy chứ không phải mọi nào cũng nuôi được « con ma » đâu, phải cao tay hùa ngái, phải vừa hiền từ mà vừa ghê gớm thì « con ma » nó mới kiên mới mến mà ở lâu dài.

Thôi, còn nói gì đến cái dị đoan của chúng! Chúng thờ kính là thờ kính chứ chẳng bao giờ tìm để mà hiểu nữa.

Như có một xóm mọi ở Là-ngà, kèn bằng xóm Tà-tung, chết lần mòn cho đến bây giờ gần như hoang phế! Xóm ấy ở một bên sông, mà chính giữa sông lại có một khu rừng u rậm chùng vại mầu tây, trong ấy, từ mấy chục năm xưa có một con rắn. Không biết đó có phải là giống thường-luôn hồ-mang chi mà bề dài nó đến mười mấy thước, to gần như cái mái đựng nước! Cứ lâu lâu, nó vượt sông qua xóm Tà-tung bắt người ăn thịt, hay thỉnh thoảng một đôi chiếc thuyền độc mộc đi qua là ào ào nổi sóng, con quái vật vượt ra, chạy theo nhận chìm cả ghe thuyền và người thì làm mỗi cho nó hết.

Bọn mọi kinh hồn về cái chết bất ngờ và rùng rợn ấy, bèn họp nhau lại bàn tán xôn-xao rồi theo lời một pháp-sư cứ hằng năm chớ ra nào heo dè, trâu bò, đem cột ở khu rừng u rậm để tiễn thần vì chúng cho đó là thần nước trấn cứ một khúc sông đại hải ấy!

Ấy vậy mà chao ôi, cứ mỗi lần « tiễn cúng » như vậy thì ít ra cũng năm ba mạng bị nhận chìm và thiệt mạng cho đến bây giờ, cả một xóm Tà-tung chết lần mòn gần thành như hoang phế.

(Còn tiếp)

THÁI-HỮU-THÀNH



KHÔNG phải con Mỹ nói ngay với thím thợ Hai. Nó nói với người ta. Người ta nói chuyện với thím, rồi thím học lại với tôi.

— Người ta là ai? Tôi muốn biết rõ chỗ đó.

— Tôi có biết đâu.

— Ôi! Chuyện đàn-bà ngồi là đôi-mịch, hơi dàu mà nghe họ. Mà thế nào ngày mai tôi cũng hỏi thím thợ Hai cho biết coi ai muốn khuấy rối gia-đạo của tôi đây. Minh an tâm. Việc này tôi không bỏ qua đâu.

Mỹ ở trong buồng bước ra và khóc và nói: « Con xin cha hỏi lại chuyện này cho minh bạch, kéo oan ức con lắm. Mỗi buổi sớm mai con đi chợ mua ăn, lo mua riết dặng về nấu cơm, con có ngày giờ gấu mà nói chuyện với thiên-hạ. Con biết thím thợ Hai, nhưng mà thuở nay con không có dịp nói chuyện với thím lâu nào, tại sao thím dám đặt đũa cho di con giận con. Con muốn xin với di con sáng mai đi với con ra nhà thím dặng con hỏi thím».

Thị-Mùi nói: « Được, Sáng mai đi».

Ông Bồi can: « Thôi, đôi chối mà tốt gì. Để tôi tra hỏi cho, Mẹ con ra ngoài chợ, rồi cái lầy với người ta, coi sao được».

Thị-Mùi ngoe-ngoáy nói: « Ông bình con, nên cứ xử chìm xuống hoài, Ông làm như vậy nên con ông mới được mọi, không coi tôi ra cóc-rác gì hết».

Ông Bồi cười mà đáp: « Không phải tôi bình con mà, Tôi muốn cho gia-đình đầm-ấm, mẹ thương con, con kính mẹ chớ. Thôi, Mỹ vô ngủ đi con. Chuyện đó để cha hỏi chợ».

Mỹ lau nước mắt trở vô buồng. Thị-Mùi không làm cho Mỹ bị đòn được thì nằng giận, nên bỏ đi ngủ.

Qui này giờ ngồi núp bóng cây cột phía chái trên, lòng nghe công việc của chị, chừng thấy

cha đã xử em, thì thở một hơi dài, rồi lại đóng cửa. Vì sự xin đi học Saigon chưa được lời cha phán đoán, nên Qui có ý trông cha nói lại chuyện ấy, té ra ông Bồi rót nước trà mà uống rồi ông cũng đi ngủ, dường như không chú ý đến việc tương-lai của con.

Qui vật đèn lu-lu, rồi trở về phòng riêng của mình ở chái trên, nhẹ-nhẹ mở cánh cửa sổ đứng ngó ra vườn.

Bây giờ trăng đã lên cao, rọi cây cỏ ngoài vườn sáng lóa. Mặc dầu ánh-ương ngoài mương vẫn hát uèng-oang, nhái bầu trong ruộng vẫn kêu lét-chét, Qui không còn buồn như hồi chiều-nửa, có lẽ nhờ được nghe những lời công-chánh của cha phán xử tội chị, nên Qui rất hài lòng. Qui vui, rồi nhớ bài học luân-lý về hạnh của Mẫn-tử-Khiên hồi xưa, Mẫn-tử-Khiên cũng có mẹ ghê như mình, mà lại có tới 2 đứa em khác mẹ, chớ không phải như mình có một em Sen. Ngày nọ cha của Mẫn-tử-Khiên tình cờ được biết bà vợ chỉ chăm nom cho hai đứa con ruột của bà no ấm, còn bỏ con ghê, là Tử-Khiên, rách-rưới, lạnh-lẻo, thì ông giận; ông hải tội bà rồi làm tờ xuất, không chịu làm bạn với người ác-phụ ấy nữa. Tử-Khiên qui lạy cha mà can gián, xin cha tha lỗi cho mẹ ghê, nói rằng mẹ ghê ở trong nhà thì chỉ có một mình mình rách-rưới lạnh-lẻo mà thôi, chớ nếu mẹ ghê ra khỏi nhà rồi thì sẽ thêm hai em rách-rưới lạnh-lẻo nữa! Nghe mấy lời h.ền đức ấy, cha động lòng mà tha tội cho mẹ ghê, mà mẹ ghê cảm xúc nên từ ấy thương yêu Tử-Khiên cũng như con ruột.

Qui nhớ bài học ấy rồi cảm động, hỏi thăm trong trí: Đối với em mình là Sen, mình có thương như Tử-Khiên hồi xưa thương và lo cho hai em ngái hay không? — Không. — Đối với mẹ ghê, mình có ái kính nhân nại như Tử-Khiên hồi-xưa hay không? — Không!

Qui vẫn đáp trong trí như vậy rồi hổ thẹn.

và hối hận, như định sẽ đổi trí ý, từ rày sẽ thương yêu em Sen chứ không lại-léo nữa, sẽ kính ái mẹ ghê chứ không giận thâm ghét lên nữa.

Xét hạnh kiểm đối với cha mẹ và em trong nhà rồi, Qui suy nghĩ qua việc học. Thế nào cũng xin cha cho lên Saigon mà học nữa. Như cha sợ học Saigon tốn hao nhiều, thì mình xin vào trường trung-đẳng Cần-Thơ hoặc Mỹ-Thơ. Phải có học-thức rộng mới lập thân được, chứ mới có bằng Sơ-học rồi ở nhà, thì đời sống của mình ắt sẽ lùn-dùn, không thể vượt lên cao nổi.

Qui quyết định như vậy rồi đóng cửa sổ đi ngủ, lòng mát-mẻ như cây gặp mưa-hồi-chiều, trí sáng lòa như trăng đương soi rạng ngời trước ngõ.

III

Sáng bữa sau, ăn cơm sớm rồi ông Bồi cỡi xe máy đi Dừa-Đỏ. Thị-Mùi cũng sửa soạn đi ra chợ đánh bài. Theo lệ thường, nàng kêu thằng Sen tinh dốt nó đi. Mà Qui lại khác hơn lệ thường, bữa nay Qui nắm tay em lại và nhỏ nhẹ thưa với mẹ ghe: « Thưa đi, có tôi ở nhà, xin đi để em Sen ở nhà chơi với tôi. »

Thị-Mùi cười mà suy nghĩ.

Qui cúi xuống nói với em: « Em ở nhà, qua làm na rồi hai anh em mình kiếm chim bắn chơi. »

Sen tươi cười và gác đầu đáp: « Ừ, được. Ma đi đi. Tôi ở nhà bắn chim với anh ba. »

Thị-Mùi nói: « Thằng Sen ở nhà, thì Qui phải coi chừng em nghe hôn. Tao giao nó cho mày giữ a. »

Qui liền đi lấy dao phay kiếm cây chặt hai cái nạng và cột dây thun làm hai cái ná, rồi anh em dắt nhau ra lộ kiếm chim bắn chơi.

Bữa nay trời u-uì, cơn không nắng gắt. Ít có dịp đi chơi với Qui, mà lại chơi cách vui vẻ như vậy, Sen đắc cười anay-nhót, nói cười, kêu biếu: « Anh ba, có chim anh phải để cho tôi bắn trước đã. »

Mỗi lần thứ nhất, Qui nhìn em rồi cầm động, tình thương yêu thương nay trút hết vào chị, bây giờ đã bắt đầu sang sớm nhiều ít cho em. Tới góc vườn, Qui thấy một con cu đất đậu trên ngọn tre. Qui kêu em mà chỉ, Sen chớn-vồn giành bắn. Qui lượm một cục đá nhỏ đưa cho em. Sen trượng ná nhắm bắn, nhưng vì sức yếu nên bắn không tới đâu hết. Qui cười rồi tiếp bắn, vì cu đất cao, phải rần hết sức ná bắn cho mạnh, kéo ná đến đứt dây thun mà bắn cũng không tới. Con cu vẫn còn đậu đó

hoài, không thêm bay, dường như khinh thị anh em Qui không làm sao rờ bộ lông nó được. Qui giận nên kêu em biếu đá ná nhỏ cho mình mượn mà bắn nữa. Sen không cho, giấu cái ná sau lưng, kiếm lượm một cục đá rồi nhắm bắn. Mồi kéo chó chưa bắn, thì một sợi dây chần đã sút nên bắn không được. Sen thất chí, xụ mặt, trao cái ná cho anh mà mượn buộc lại. Qui biếu trở vô nhà sửa ná lại cho chắc mới được, rồi anh em dắt nhau đi về, cả hai đều bực-lức nên hết vui.

Anh em Qui ngồi trước hàng ba mà sửa ná, Qui chăm-chú làm việc, còn Sen nha-nhòm một bên mà đợi chờ, hồi chuyện rầy chưa rồi thì bắt qua nói chuyện khác, tiếng lán-lầu liếp hoài không dứt.

(Còn nữa)

Trương Phụ-nữ (Tiếp theo)

lý tốt đẹp mà ông cha ta đã dày công ứng-đúc, các bậc hiền nhân hào kiệt, đã để lại bao nhiêu công lao oanh liệt cho đến ngày nay, ấy là một cái gia-tái vô tận trong một gia đình đạo-ly, giáo dục hoàn toàn của Việt dân ngày nay. Em dám chắc rằng thời đại nào cũng vậy, trai hay gái cũng đều lấy 4 chữ: trung, hiếu, tiết, nghĩa làm đầu. Một nước mà có những dân lành biết hiếu đến nơi đến chốn, bổn phận của mình, đâu có phải là một nước bạc nhược.

Phá đi và chôn sâu những xa hoa vật chất, đừng để nó tiềm tàng trong óc, lòng ta, Xả-hội, luật-pháp đâu không có quyền ngăn cản ta nhưng lương tâm ta nó sẽ trừng rủa ta. Danh dự làm người không ở những cái xe hơi lộng lẫy của ta ngồi, bộ quần áo đẹp ta mặc mà ở những bầu-ngã siêu việt của ta, ở những đàn con được ta huấn luyện, ở những chiến thắng của hạnh phúc gia đình do hai bàn tay khéo léo của ta đào tạo.

« Giấy rách thì giữ lấy lề » đầu cho trong trường hợp nào ta cũng phải bảo tồn danh dự và địa vị của ta cho xứng đáng với một giòng giống mà ông cha ta là những trang hào-kiệt.

Em mong rằng tất cả chị em trong hàng trí-thức đều cùng một lòng một dạ lo ban bạc đến vấn đề phụ-nữ gia-đình một cách thiết-thực, có từng trải xác-đáng để cùng nhau tìm thấy những qui củ ăn-ình cho việc làm của ta được thực-hiện và có kết-quả, khỏi ửng phí với tôn-chỉ tốt đẹp của tờ Nam-Kỳ trong trương Phụ-nữ.

NGỌC-ƯỚC
(Long-phú, Sóc-trăng)



Cái chuyện ấy, quan Thượng-thư Letellier biết rõ đầu-đuôi.

Ngài lại mới được một bức thư của Hoàng-thái-hậu, bức thư rất quý-báu cho ngài mà rất hại cho Mazarin. Letellier là một người rất khôn-ngoan, gặp Thái-hậu thì nói theo Thái-

hậu, gặp Tể-tướng thì phụ theo Tể-tướng, dung-lừa hai kẻ nghịch để nhờ cả dôi bên, khi thì làm cho họ rời với nhau, khi thì giải hòa. Bởi vậy, ngài tiếp được bức thư thì muốn gọi cho Mazarin xem để cầu thân.

Song gửi bức thư thì dễ mà lấy bức thư lại thì khó. Letellier ngó xung quanh, thấy Colbert đang ngồi lo làm việc, nấn mặt nhiều mây, thì hội ý, tính sai đi tư tiện hơn là sai một tên quan.

Colbert mới đi Sedan, lãnh lĩnh đưa bức thư cho Mazarin coi rồi lấy lại đem về. Trước khi đi, Colbert chăm-chú nghe lời dặn-bảo, hỏi đi hỏi lại hai ba lần, và xin quan Thượng-thư cho biết coi cái chuyện lấy bức thư lại đem về có quan-trọng như là chuyện cho đọc bức thư chẳng? Letellier bèn nói:

— Quan-trọng hơn.

Tới Sedan, Colbert giao cho Mazarin phong thư của Letellier trước rồi mới trình bức thư của Thái-hậu.

Mazarin đọc bức thư của Thái-hậu rồi đỏ mặt. Ngài cất bức thư rồi ngó Colbert mỉm cười và bảo tạm lui. Colbert bèn hỏi:

— Thưa ngài, chừng nào ngài trả lời?

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIỆN

COI TAY

và vẫn ở số nhà 251, Đường Lagrandière

SAIGON

KIỂM-HIỆP TIỂU-THUYẾT
do Thân-Văn
Nguyễn-văn-Quý
dịch truyện:
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

— Để mai ta sẽ trả lời.
— Thưa ngài, sớm mai à? Phải.

Rạng ngày, vừa đúng bảy giờ thì Colbert đã có mặt ở dinh Mazarin. Tể-tướng để cho đợi tới mười giờ, Colbert cũng không ngả lòng, thừa lúc ngài hết khách bước vô

Mazarin bèn trao cho một phong thư lớn có băng keo, ở ngoài đề: « Monsieur Letel-

lier... »

Colbert cầm phong-thư ngắm xem kỹ lưỡng. Bảy giờ Tể-tướng lại lộ sắc vui và đẩy lên Colbert ra cửa. Colbert bồng bồng:

— Thưa ngài, còn bức thư của Hoàng-thái-hậu?

— Ta đã bỏ trong bao đó.

— Thưa ngài, vậy thì hay lắm.

Colbert trả lời rồi, kẹp nón vào giữa hai đầu gối cho rãnh tay, kể xé phong thư ra. Mazarin nổi giận la lớn, hỏi:

— Người làm cái chi vậy?

— Thưa ngài, tôi xé phong thư.

— Người không tin lời ta sao mà xé phong thư! Có ai mà vô lễ như vậy chẳng?

— Thưa ngài, đừng giận tôi, vì không phải là tôi nghĩ-ngờ lời nói của ngài.

— Vậy chớ người nghĩ-ngờ điều chi mà xé thư?

— Thưa ngài, tôi nghĩ là nghĩ kỹ-lục của ngài kia. Một bức thư cũng như một miếng giẻ, mà một miếng giẻ là một vật có thể bỏ quên được. Đây, ngài coi tôi nói có đúng không? Kỹ-lục của ngài đã quên miếng giẻ kia rồi!

Mazarin càng giận nói:

— Người là một đứa vô-lẽ, hỗn-hào, người có thấy chi đâu! Thôi, người lui ra cho kịp và dẫm lịnh ta.

Ngài nói rồi, giựt phong thư lại và bước vào phòng.

Mấy ngày sau, mỗi buổi sớm mai, hễ Mazarin bước qua văn-phòng thì gặp Colbert đã ngồi sẵn đó, chờ đợi cho được bức thư của Thái-hậu. Thét rồi, Mazarin bực mình, chịu không được, phải trả bức thư và dùng nhiều tiếng nặng quở Colbert. Colbert không kể tội, lo xem-xét bức

thơ, nhìn tưởng chữ, hửi mùi giấy, dường như sợ Tể-trưởng trao thơ. Chừng thấy thiệt là bức thơ của Hoàng-thái-hậu, Colbert mới bắt tay ra về. Nhờ cái cử-chỉ lạ-dời ấy mà được Mazarin để ý. Ngài đã không nhớ tới việc trước, lại còn cho Colbert thế Joubert, nghĩ rằng có lẽ Colbert sẽ tận-tâm với mình cũng như đã hết lòng với Letellier.

Thấy câu chuyện này thì hiểu rõ tánh-tình Colbert, rồi thời-cuộc càng đi tới chừng nào càng làm lộ cái ý-trí của người chừng nấy.

Cách đó không bao lâu, Colbert được Mazarin trọng dụng. Những sự tính-toán của ngài không bao giờ ngài nói cho Colbert rõ, thế mà viên Tham-tá này lại biết rành-mạch, không sót một mảy. Cái sự thông-hiểu bí-mật ấy là mối dây-liên-lạc rất có mãnh lực giữa hai người, cho nên, khi thấy mình gần đất xa trời, Mazarin muốn nghe lời khuyên của Colbert để mưu-tính coi sau khi mình nhắm mắt rồi, sự-sân của mình phải dùng như thế nào?

Bởi vậy, Guénaud vừa ra về thì ngài cho kêu Colbert lại ngồi bên giường nói:

— Này Colbert! ta kêu thầy lại để nói một

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiệt nặng như tiếng tác, một và nóng lạnh liên-miên, tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chớ còn như bệnh ho chưa thiệt nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho gió, ho phong vân vân thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn bạc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhăm mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ 00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (Tôi có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường đũi đàm trong phổi ra đại trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư hoặc mandat để:

Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
Cựu Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 (CÁNH THO)

chuyện quan-trọng, vì ta đau nặng và có thể chết được.

— Thưa ngài, người đời có sinh tất có tử không sao mà ngài lo ngại.

— Ta đã biết vậy cho nên ta mà lao-lực làm việc trong đời ta là để lo cho cái chết đó... Thấy biết rằng ta có chất-một được chút ít tài-sản...

— Thưa ngài, tôi biết.

— Thầy biết mà thầy liệu chừng coi được bao nhiêu?

— Thưa ngài, cả thầy là 40 triệu 560 ngàn 200 lư, chín xu tám.

Mazarin nghe nói thở ra và ngó sững Colbert trong lòng lấy làm khen ngợi lắm. Ngài lại mỉm cười:

Colbert tiếp nói:

— Thưa ngài, đó là số tiền được biết.

Mazarin giở mình nhồm dậy:

— Thầy nói đó là nghĩa làm sao?

— Thưa ngài, tôi nói vậy nghĩa là ngoài số 40 triệu 560 ngàn 200 lư chín xu tám kia, còn 13 triệu mà người ta không được biết nữa!

— Hỡi! Người sao mà giỏi thật!

Bây giờ Bernouin bồng ló đầu vào cửa. Mazarin hỏi:

— Chuyện chi mà làm rộn ta đó?

— Thưa ngài, đức-cha đã lại. Nếu như chiều nay ngài không tiếp, thì sớm mai một đức-cha mới trở lại.

Mazarin bèn ngó Colbert thì Colbert lấy nón đứng dậy nói:

— Thưa ngài, tôi sẽ trở lại.

— Không, không, thầy chớ về, vì thầy với đức-cha, ta đều cần dùng hết cả hai. Và lại thầy cũng là một người để cho ta xưng tội... thế nên những lời của ta nói với người này, người kia có thể nghe được. Vậy thầy hãy ở lại.

— Thưa ngài, thường-thường đức-cha rửa tội thì giữ sự ấy bí-mật, tôi e người không chịu cho tôi ở lại.

— Thấy chớ lo-nghại, hãy vào phía trong màn đây.

— Thưa ngài, tôi ở ngoài tôi chờ được.

— Không, không, thầy cứ ở đây để nghe một người lành như tôi xưng tội.

Colbert vung lời bước vào phía trong, an mặt. Mazarin kéo màn lại và bảo cho với đức-cha vào.

(Còn tiếp)

Vàng Quận-Chúa, chả Quận-Công.
Điện toàn đồ đẹp, ăn rỗng miếng ngon.
Gần xa nô nức liếng đồn,
Nữ trang ngọc thạch, bánh dòn phồng lóm.
Sáng mai cho đến chiều hôm,
Quận-Công, Quận-Chúa luôn luôn chật.
Saigon chỉ có hai nơi! | người.

Ấm lạnh (Tiếp theo trang 2)

Còn trong Nam, tuy không có mùa đông « lạnh nứt da xé thịt » tuy không phải là đất dung thân của thần rét, nhưng sự ẤM LẠNH cũng thành một vấn-đề khẩn-thiết.

Cảnh rách rưới tả tơi đã làm động nỗi từ tâm của Thống-đốc phu-nhơn. Bà chẳng quản khó-nhọc, chẳng sợ thất công, họp các hội từ-thiện lại, đứng lên tổ chức việc quyên quần áo cũ cho dân nghèo. Công việc đã tiến-hành và các nhà hảo-sân hảo-âm đã lần lượt kê một số tiền, người ấm ba cái áo gởi đến giúp.

Dân nghèo châu-thành Sĩ-son Clơ-lơn sẽ nhờ bàn tay thiện của bà mà được che thân ấm cất.

Một việc làm nhơn đạo và cao quý như thế, hàng thứ giả, người dư ăn dư mặc, ai lại lòng nào hờ hững. Cần chi được kêu gọi khẩn-cầu, đợi gì được mời-mọc thiết-tha, thấy đồng-lao rách rưới, phận-sự ta là phải giúp-vập vào công việc từ-thiện của Thống-đốc phu-nhơn.

Vua Lý Thành-Tôn (1054-1072) ngồi trên ngai vàng còn nhớ tới người tù phạm đang chịu rét mướt trong ngục.

Thống-đốc phu-nhơn sang-trọng cao cả cũng không quên kẻ hàn cùn rách rưới.

Ta, hằng ngày gần gũi mặt mũi ấy tai nghe, ta sẽ đặc tội với đồng bào, với nhơn loại, nếu ta không tùy sức tùy tài mà vừa giúp vào việc nghĩa là lo cho sự ẤM-LẠNH của người nước.

Vấn hết lửa xe nước gạo, nung việc cấp-bách nên lo theo cấp bách. Biết đâu phong-trào nghĩa-quyên này sẽ không mở rộng đến tỉnh xa làng vắng, với sức tán-trợ của Chánh-phủ.

Vấn biết việc nghĩa-quyên là một việc nhứt-thời. Nhưng biết đâu không nhờ phong-trào đó và như là tinh-thế khẩn-thiết hiện-tại, sẽ có một vài phát-mình, sáng-tạo về nghề dệt, nghề đượ bằng những nguyên-liệu bôn-xứ sẵn có dồi dào như cỏ khô, rơm, rạ, rác, tranh vân vân.

Trong khi chờ bông vải rộng trong nước có thể cung cấp đủ cho ta dùng, những vật kê trên sao không thể tạm giúp ta về ẤM LẠNH.

Nhưng đây lại là địa hạt của các nhà kỹ-sư «huyền-môn».

Chuyện vui LÀM TÒ' ĐÈ VO'

Nói tiếng Pháp mà nói không trúng chữ, trún giọng và không trún g mọng, cứ cháp, thì người ta gọi là nói « tiếng bời » — bời tây. Còn dùng chữ Hán mà dùng không đúng chỗ, đúng nghĩa, cũng bỏ hoang cả meo luật lệ thành văn thì gọi là nói tiếng gì? Tôi tưởng nói tiếng « bời nhỏ » là đúng hơn cả!

Dưới đây là một « Kịch màu » hàng biếm của sự nói tiếng « bời nhỏ ». Bối này có nhiều người biết, nhưng chắc ít người thuộc nằm lòng như những bài ngụ ngôn của La Fontaine.

Trên lực ác bực thanh-niên đang sớt sáng quay về với Hán-học, thích nói thích đọc chữ Nho, tôi tưởng lực đang bài « lý h n » của một anh học trò xưa, vừa thuộc «yên Tam-thiên-tư thảo ra; tưởng cũng giúp vui cho bạn đọc. Mong rằng bạn trẻ đua nhau học chữ Nho, nhưng khỏi tưởng phải cai nạn « bời nhỏ »

VIÊN-HOÀNH

Nè con nhỏ! Tao nói cho ai biết:
Tao nguyện cúng Thiên tử Địa đất,
Phen này tao cứ cứ: kéo (lên) còn...
Vi mây ở với tao không có tử con,
Thì làm sao cho có tôn châu, hưởng nửa là lục
sầu, tam ba?

Này chẳng biết việc gia nhà quốc nước:
Mày chẳng nghĩ chi liền trước hậu sau;
Thật mây là đồ ngu trâu mã ngựa!
Tao từng đánh mây cứ cựa nha răng,
Mà mây cũng giữ thói vô cháng lấy làm hiền cói
Thật mây là đồ khuyên chó dương dẻ!
Thói tệ đây tao quyết cho mây qui về tàu chay.
Đầu mây có bài lay, qui qui...
Thì tao cũng chẳng thèm khừ đi lại lại!

Maison LIÊN-HOA

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-ba thêu.

Mme TRƯƠNG-CÔNG-MỬI

N° 108-110 Lagrandière,

gần chợ mới Saigon

Tél. 21.780

Dầu sao, phận-sự của ta ngày nay hưởng ứng bằng việc làm với cuộc quyên quần áo cũ do Thống-đốc phu-nhơn cầm đầu.

Và không được ta-thán ngã lòng, luôn luôn ta phải bị-vọng ở một ngày mai tốt đẹp, vưng lòng tin nơi tương-lai đây hứa hẹn của giống nòi.

KHUÔNG-VIỆT.